

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 29/2019/HSST

Ngày: 24 - 01- 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Loan

Bà Nguyễn Thị Loan.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Thanh Đại - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

***Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Ngọc An - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 41/2019/HSST, ngày 04 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

**Mai Văn Th, sinh năm 1980.**

HKTT và Nơi ở hiện nay: Phố B, Thị trấn Tr, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Văn Đ (Đã chết) và bà Trịnh Thị H, sinh năm 1962; Có vợ là Quách Thị T có 03 con lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2015;

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/12/2012 bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 26 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 52 tháng về tội “Đánh bạc”. Đã chấp hành xong thời gian thử thách và hình phạt bổ sung.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 21/9/2018 đến ngày 24/9/2018 chuyển tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 5 năm 2017, Mai Văn Th ký hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng Tiên Phong để mua xe ô tô CITY CVT BKS 36A-263.04 dưới hình thức vay trả góp với tổng số tiền 450.000.000đ, trả góp trong thời gian 60 tháng. Ngân hàng Tiên Phong sẽ giữ lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Mai Văn Th. Th có quyền

khai thác, sử dụng xe ô tô và hàng tháng phải trả lãi và gốc cho Ngân hàng Tiên Phong. Tháng 9 năm 2017, do cần tiền chi tiêu trong gia đình nên Th lên mạng xã hội tìm hiểu và đặt thuê một người không quen biết làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 36A-263.04 giống với Giấy chứng nhận đăng ký xe mà Ngân hàng Tiên Phong đang giữ nhằm mục đích cầm cố xe. Sau đó, thông qua người quen, Th đi cùng với vợ là Quách Thị T đến nhà anh Dương Trường Gi ở phố Ng, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa để cầm cố chiếc xe trên lấy tiền tiêu. Sau khi xem xe cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe do Th đưa, anh Gi thấy đăng ký xe đứng tên Th, số máy số khung phù hợp với đăng ký xe nên không nghi ngờ gì. Anh Gi yêu cầu Th phải làm hợp đồng mua bán xe, Th và vợ đồng ý. Anh Gi và vợ chồng Th đến Văn phòng Công chứng TT ở phường A, thành phố H làm Hợp đồng mua bán xe, giá trị xe ghi trong hợp đồng là 300.000.000đ. Sau khi ký hợp đồng, Th nhận tiền theo thỏa thuận và để lại cho anh Gi chiếc xe trên cùng giấy chứng nhận đăng ký xe. Đến ngày 27/02/2018, anh Nguyễn Hữu Lở phố H, phường B, thành phố H được người quen dẫn đến nhà anh Gi để xem và mua chiếc xe CITY CVT BKS 36A-263.04 về làm phương tiện đi lại. Sau khi thỏa thuận giá cả, hai bên đến Văn phòng Công chứng TT để làm hợp đồng mua bán chiếc xe trên với giá 520.000.000đ. Anh Gi đã nhận tiền và giao xe cùng giấy tờ liên quan cho anh L. Anh L đã đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thanh Hóa làm thủ tục sang tên đổi chủ thì được cán bộ phòng CSGT thông báo Giấy chứng nhận đăng ký xe là giả còn giấy đăng ký xe thật đang thế chấp tại ngân hàng Tiên Phong. Anh L đã trình báo sự việc với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa.

Tại bản kết luận giám định số 1164 ngày 25/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận “Giấy chứng nhận đăng ký xe gửi giám định là giả”.

Tại Cơ quan điều tra, Mai Văn Th khai nhận: Th làm Giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe CITY CVT BKS 36A-263.04 của một người không quen biết trên mạng xã hội với giá 2.000.000đ. Người này đã gửi đăng ký xe qua Bưu điện còn Th chuyển tiền lại cũng bằng hình thức qua Bưu điện. Sau khi có đăng ký xe giả, Th đã cầm cố chiếc xe cho anh Gi dưới dạng hợp đồng mua bán xe, số tiền Th nhận từ Gi là 300.000.000đ. Hàng tháng Th vẫn trả lãi cho anh Gi qua tài khoản mà anh Gi cung cấp, tên chủ tài khoản là Đỗ Văn H. Đến đầu tháng 02 năm 2018, Th đến nhà anh Gi để xin chuộc xe với giá 300.000.000đ nhưng anh Gi không đồng ý mà buộc Th phải trả 500.000.000đ, Th không có tiền chuộc xe nên anh Gi đã bán chiếc xe trên cho anh L.

Anh Dương Trường Gi khai: Ngày 30/10/2018, anh và Th có làm hợp đồng mua bán xe tại Văn phòng Công chứng TT chứ không phải do Th cầm cố xe. Giá trị xe mua bán thực là 500.000.000đ, tuy nhiên để giảm tiền phí công chứng nên hai bên thống nhất ghi giá trong hợp đồng là 300.000.000đ. Quá trình mua bán, anh Gi không biết đó là Giấy chứng nhận đăng ký xe giả. Sau khi bán xe cho anh L được một thời gian thì anh mới được anh L thông báo cho biết đăng ký xe là giả, còn đăng ký xe thật đang thế chấp tại Ngân hàng Tiên Phong vì đây là xe mua trả góp.

Sau đó Th đã cùng anh L đến nhà anh Gi để thống nhất cách giải quyết nhưng Th không đồng ý trả lại số tiền 500.000.000đ cho anh Gi nên anh Gi không đồng ý trả lại tiền cho anh L. Quá trình điều tra, anh Gi có đơn yêu cầu khởi kiện vụ án dân sự đối với hợp đồng mua bán xe giữa anh Gi và vợ chồng Th.

Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT đã tiến hành đối chất giữa anh Gi và Th để làm rõ việc hai bên mua bán hay cầm cố xe nhưng cả hai vẫn giữ nguyên lời khai của mình. Cơ quan CSĐT Công an thành phố H tiến hành xác minh chủ tài khoản Đỗ Văn H mà Th khai vẫn trả lãi hàng tháng cho anh Gi qua tài khoản này. Tại kết quả xác minh do ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Thanh Hóa cung cấp thể hiện ngày 16/10/2018 có một giao dịch chuyển tiền từ Mai Văn Th đến tài khoản Đỗ Văn H với số tiền 9.000.000đ. Làm việc với anh Đỗ Văn H, anh H khai không biết Th chuyển tiền cho anh với lý do gì vì gia đình anh làm nghề kinh doanh nhà nghỉ và bán nem, giò chả nên thường xuyên có khách chuyển tiền vào tài khoản để trả nợ.

Công chứng viên của Văn phòng Công chứng TT khai: Văn phòng công chứng TT đã công chứng Hợp đồng mua bán xe giữa anh Gi và vợ chồng Th theo thỏa thuận, giá trị xe ghi theo sự thống nhất của các bên.

Do đó không chứng minh được Th cầm cố xe hay bán xe cho anh Gi. Tuy nhiên, trên cơ sở hợp đồng đã ký kết có chứng thực của Văn phòng công chứng nên Th phải chịu trách nhiệm đối với hợp đồng đã ký kết.

Anh Nguyễn Hữu L khai: Ngày 27/02/2018, anh có mua chiếc xe ô tô CITY CVT BKS 36A-263.04 của anh Dương Trường Gi với giá 520.000.000đ, hai bên đã làm hợp đồng mua bán tại văn phòng Công chứng TT. Sau khi ký hợp đồng hai bên đã thực hiện việc giao tiền và giao xe kèm giấy tờ xe theo thỏa thuận. Sau khi được phòng CSGT Công an tỉnh Thanh Hóa thông báo là Giấy chứng nhận đăng ký xe giả, anh đã đến gặp anh Gi để thông báo. Anh Gi nói không biết việc giấy đăng ký xe giả nên đưa số điện thoại của Th cho anh L liên lạc tìm cách giải quyết. Khi ba bên gặp nhau, anh Gi yêu cầu Th trả 500.000.000đ để anh Gi có trách nhiệm trả cho anh L 520.000.000đ và trả xe lại cho Th nhưng Th không đồng ý. Do đó anh L đã trình báo sự việc đến Cơ quan điều tra, đồng thời khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu giải quyết số tiền anh đã mua bán xe.

Đối với vợ Th là chị Quách Thị T khai không biết Giấy chứng nhận đăng ký xe mà Th mang đi cầm cố dưới hình thức hợp đồng mua bán cho anh Gi là Giấy chứng nhận đăng ký xe giả. Quá trình ký hợp đồng, chị T chỉ nghe Th nói là cầm cố xe. Do chị T không biết việc Th làm Giấy chứng nhận đăng ký xe giả nên không có căn cứ xử lý.

Đối với chiếc xe ô tô CITY CVT BKS 36A-263.04, Cơ quan điều tra đã tạm giao cho anh Nguyễn Hữu L quản lý, sử dụng và thực hiện cam kết không mua bán, trao đổi hoặc giao dịch đối với chiếc xe để chờ Tòa án xét xử vụ án dân sự theo yêu cầu khởi kiện của anh Dương Trường Gi và anh Nguyễn Hữu L. Do đó không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Quá trình điều tra, Mai Văn Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại cáo trạng số 33/CT-VKS, ngày 04/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố Mai Văn Th về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015.

***Tại phiên tòa hôm nay***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 ; Tuyên bố bị cáo Mai Văn Th phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, đề nghị xử phạt bị cáo Mai Văn Th mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin được hưởng sự khoan hồng với mức hình phạt thấp nhất.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Mai Văn Th thừa nhận: Do cần tiền chi tiêu trong gia đình, Mai Văn Th đã lên mạng xã hội đặt thuê một người không quen biết làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô CITY CVT BKS 36A-263.04 của mình mà Giấy chứng thật Th đang thể chấp tại Ngân hàng. Sau đó Th đã cầm cố chiếc xe trên cho anh Dương Trường Gi để lấy 300.000.000đ dưới hình thức mua bán xe với giá 500.000.000đ.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Quyết định truy tố và lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Mai Văn Th phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của cơ quan Nhà nước về con dấu, tài liệu. Hành vi của bị cáo thực hiện vào tháng 9 năm 2017, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về Thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 thì Khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 có quy định mức hình phạt nhẹ hơn so với mức hình phạt

quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999. Nên khi xét xử áp dụng các quy định có lợi cho bị cáo.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng có nhân thân xấu, đã bị xét xử về hành vi Đánh bạc.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra truy tố và tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo.

Với tính chất vụ án nghiêm trọng, với nhân thân của bị cáo, xét cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới đủ điều kiện cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Mai Văn Th phạm tội *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”*.

Xử phạt: Mai Văn Th 12 (Mười hai) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/9/2018.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14. Bị cáo Mai Văn Thanh phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Cục THA TP H;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

*Đã ký*

**Trương Thị Anh**

